

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17-5-2021

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Hiếu Nhường.

Bà Lý Ngọc Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Từ Thị Kỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp “Xin ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 1966 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang;

Chỗ ở hiện nay: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1966 (xin vắng mặt);

Quốc tịch: Việt Nam;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang;

Chỗ ở hiện nay: Hoa Kỳ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn – ông Võ Văn T trình bày:*

Ngày 04/4/1990, được sự thống nhất của họ tộc, ông và bà Lê Thị L cưới nhau; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G (nay là xã T, huyện T), tỉnh Tiền Giang (cùng ngày 04/4/1990). Đến năm 1995, do sống chung

không phù hợp nên ông bà đã ly thân. Đến năm 2019, bà Lê Thị L sang Hoa Kỳ nuôi bệnh chị vợ thứ năm (Lê Hạnh P) nhưng vì dịch bệnh Covid-19 nên bà L không về Việt Nam được. Do khoảng thời gian dài không sống chung nên vợ chồng không còn tình cảm, do đó ông yêu cầu:

- Về hôn nhân: Ông yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị L.

- Về con chung: Ông bà có một con chung tên Võ Thế T2, sinh ngày 19/6/1992, hiện đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – bà Lê Thị L vắng mặt nhưng có văn bản trình bày ý kiến như sau:*

Năm 1990, bà và ông Võ Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G (nay là xã T, huyện T), tỉnh Tiền Giang. Bà và ông Võ Văn T đã ly thân từ năm 1995 cho đến nay, không còn sống chung. Hiện bà đang tạm trú tại Hoa Kỳ; do dịch bệnh Covid-19 nên bà không thể tham dự phiên tòa giải quyết vụ án. Bà đồng thuận ly hôn với ông Võ Văn T để tìm hạnh phúc mới và bà hoàn toàn không khiếu kiện về sau.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Nhận thấy mâu thuẫn giữa ông Võ Văn T và bà Lê Thị L đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Võ Văn T; về con chung, tài sản chung, nợ chung: các đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét; ông T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Ông Võ Văn T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị L nên quan hệ pháp luật là tranh chấp “Xin ly hôn” theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Ông Võ Văn T có đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn với bà Lê Thị L. Bà Lê Thị L có quốc tịch Việt Nam nhưng hiện đang cư trú tại Hoa Kỳ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm c khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[3]. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, ông Võ Văn T và bà Lê Thị L đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà L.

[4]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Võ Văn T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn T và bà Lê Thị L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 04/4/1990 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G (nay là xã T, huyện T), tỉnh Tiền Giang, nên quan hệ hôn nhân của ông T, bà L là hợp pháp.

Sau khi cưới, ông T và bà L sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 1995, ông T và bà L đã sống ly thân cho đến nay. Do không sống chung với nhau khiến tình cảm vợ chồng không còn, nên ông T khởi kiện xin ly hôn với bà L. Bà L cũng thừa nhận lời trình bày của ông T là đúng sự thật và đồng ý ly hôn với ông T.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông T và bà L là có thật, tình cảm vợ chồng giữa ông T và bà L không còn khả năng hàn gắn, hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc ông T và bà L xin ly hôn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về con chung: Quá trình chung sống, ông T và bà L có một con chung tên Võ Thế T2, sinh ngày 19/6/1992. Do anh T2 hiện đã thành niên, ông T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. Về án phí: Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ và số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, Điều 228, khoản 1 và 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Võ Văn T.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn T được ly hôn với bà Lê Thị L.

2. Về án phí: Ông Võ Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai số 0001673 ngày 16/3/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Võ Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Bà Lê Thị L cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- CTHADS tỉnh Tiền Giang;
- UBND xã T, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thu Thủy